

CÔNG TY TNHH HANWELL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HANWELL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANWELL LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: HANWELL CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110816231

3. Ngày thành lập: 16/08/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 9 toà nhà PTP số 564 Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0853032636

Fax:

Email: hanwell.vn@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: - Sản xuất gạch ngói không chịu lửa, gạch hình khối khảm; - Sản xuất đá phiến và đá lát thềm không chịu lửa; - Sản xuất vật liệu xây dựng bằng gốm sứ không chịu lửa như : Sản xuất gạch gốm sứ, ngói lợp, ống khói bằng gốm... - Sản xuất gạch lát sàn từ đất sét nung; - Sản xuất các đồ vật vệ sinh cố định làm bằng gốm.	2392
2.	Xây dựng nhà để ở	4101
3.	Xây dựng nhà không để ở	4102
4.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
5.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
6.	Xây dựng công trình điện	4221
7.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
8.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
9.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
10.	Xây dựng công trình thủy	4291
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
14.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
15.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
16.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

Thời gian đăng từ ngày 17/08/2024 đến ngày 16/09/2024

17.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
23.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310(Chính)
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
25.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
27.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
28.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
30.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
31.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

34.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm; - Sản xuất các sản phẩm bằng gốm chưa được phân vào đâu	2393
35.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất Cửa nhựa, cửa sổ, khung, màn, rèm, ván chân tường, bể hồ chứa nhân tạo, sàn tường hoặc tấm phủ trần dạng cuộn hoặc dạng tấm, đồ thiết bị vệ sinh bằng nhựa như bể bơi plastic, vòi tắm, chậu tắm, chậu rửa mặt... – Sản xuất bàn, đồ bếp và đồ nhà vệ sinh bằng nhựa; – Sản xuất tấm hoặc bản bóng kính; – Sản xuất tấm phủ sàn bằng nhựa cứng hoặc linoleum; – Sản xuất đá nhân tạo; – Sản xuất băng keo; – Sản xuất sản phẩm nhựa chuyên hoá như: Mũ lưỡi trai, thiết bị ngăn cách, bộ phận của thiết bị chiếu sáng, thiết bị văn phòng hoặc giáo dục, quần áo bằng nhựa (nếu chúng được gắn với nhau, không phải là khâu), thiết bị đồ gia dụng, tượng, băng chuyền, giấy dán tường bằng nhựa, đế giày, tẩu xì gà, lược, lô cuốn tóc, và các đồ khác.	2220
36.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
37.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
38.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
39.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
40.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
41.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
43.	Bán buôn thực phẩm	4632

44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: - Sản xuất gạch, ngói chịu lửa, đồ gốm sứ cách nhiệt - Sản xuất hồ, bê tông chịu lửa - Sản xuất bình, nồi, vò, ống	2391
46.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất sản phẩm đá nhân tạo sử dụng trong xây dựng như: Ngói, đá lát tường, gạch.	2395
47.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa	4610
54.	Khai thác thủy sản biển	0311
55.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
56.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
57.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn từ thủy sản	1075
60.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ	4781
62.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
63.	Sản xuất điện Chi tiết: Nhóm điện mặt trời gồm hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3511
64.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
65.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
66.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất cửa kim loại	2511
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ - Bán lẻ tem và tiền kim khí;	4773
68.	In ấn	1811
69.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
70.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
71.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	BÙI NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Việt Nam	Số 8/217 Hoàng Quốc Việt, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	300.000.000	30,000	030302005904	

2	TRINH THI NGOC HA	Việt Nam	Phòng 320 Nhà 30B Đoàn Thị Điểm, ĐN3, Tập thể Viện mở- Luyện Kim, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	700.000.000	70,000	001190039893	
---	----------------------	-------------	---	-------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BUI NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/2002

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030302005904

Ngày cấp: 15/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự
xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 8/217 Hoàng Quốc Việt, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải
Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8/217 Hoàng Quốc Việt, Phường Thanh Bình, Thành phố Hải
Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội